

Bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam

Trương Quốc Bình*

Hội đồng Di sản Quốc gia Việt Nam

Nhận ngày 06 tháng 10 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 10 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 28 tháng 11 năm 2016

Tóm tắt: Do những đặc điểm địa - văn hóa, trong quá trình dựng nước và giữ nước lâu dài của mình, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã sáng tạo/và còn để lại/những di sản văn hóa hết sức độc đáo và đa dạng. Tính đến nay, trong số hàng chục nghìn di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam, đã có 92 di tích được xếp loại Quốc gia đặc biệt, 3.048 di tích xếp loại Di tích Quốc gia và 6.092 di tích cấp tỉnh. Và, cho đến nay, đã có 8 di sản vật thể tại Việt Nam đã chính thức được công nhận là Di sản Thế giới. Đó là: khu di tích cố đô Huế, khu thắng cảnh Hạ Long, khu thánh địa Mỹ Sơn, khu phố cổ Hội An, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Hoàng thành Thăng Long, Thành Nhà Hồ và Khu danh thắng Tràng An. Mặt khác, kho tàng các di sản văn hoá vật thể của Việt Nam còn bao gồm hàng chục triệu di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia có giá trị đang được bảo quản và trưng bày tại hệ thống 125 bảo tàng phân bố ở mọi miền đất nước và tập trung ở những trung tâm văn hoá - du lịch lớn.

Đồng thời với các di sản văn hoá là vật thể, kho tàng di sản văn hoá Việt Nam còn gồm các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu như tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, lễ hội, nghệ thuật trình diễn, các ngành nghề thủ công truyền thống, những giá trị nổi trội về y, dược cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống, v.v... của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Cho đến nay, đã có 11 di sản được công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp là Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hóa công nghệ Tây Nguyên, Dân ca quan họ Bắc Ninh, Ca trù, Lễ hội Đền Gióng, Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Hát Xoan, Đờn ca tài tử Nam bộ, Dân ca Ví-Giặm Nghệ Tĩnh, Nghi lễ và trò chơi kéo co, Thực hành tín ngưỡng thờ Tam phủ của người Việt.

Kho tàng các di sản văn hoá phong phú, đa dạng và đặc sắc lại phân bố tập trung thành những cụm ở đồng bằng Bắc bộ và châu thổ sông Cửu Long, ở miền núi phía bắc và Tây Nguyên, ở dọc theo vùng ven biển, trên trục lộ xuyên Việt gần các đô thị lớn, các cửa khẩu quốc tế quan trọng, tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc hình thành và tổ chức khai thác các trung tâm du lịch của Việt Nam. Ngoài những hiệu quả về kinh tế, những đóng góp không thể phủ nhận của du lịch Việt Nam nói chung là việc giới thiệu với bạn bè quốc tế về đất nước và con người Việt Nam, về truyền thống lịch sử và những bản sắc văn hoá độc đáo của cộng đồng các dân tộc Việt Nam theo định hướng du lịch văn hoá với sự phong phú đa dạng của nhiều loại hình hoạt động.

Tuy nhiên, hiện nay có không ít di tích lịch sử, văn hoá kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên đang bị xuống cấp, đang bị biến dạng nghiêm trọng do những hành vi vô thức và hữu thức của con người cùng những sự tác động thường xuyên của các yếu tố khí hậu nhiệt đới ẩm như nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, các loại động, thực vật có hại và những hiểm họa thiên tai khác như bão, lụt, động đất, núi lở, lũ quét v.v đặc biệt là những dấu hiệu bất thường của thời tiết trong những năm gần đây, những nguy cơ thực tế của biến đổi khí hậu. Chính vì vậy, việc đổi mới các hoạt động quản lý bảo vệ và phát huy kho tàng di sản trong tình hình mới hiện nay có vai trò hết sức quan trọng tham gia vào sự nghiệp phát triển bền vững của quốc gia dân tộc.

Hy vọng rằng, những nhận thức mới và kinh nghiệm quốc tế sẽ là những bài học thiết thực và bổ ích trong việc hợp tác nghiên cứu, xác định những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hoá vô giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam - một bộ phận hữu cơ của văn hoá nhân loại.

Từ khóa: Di sản; văn hoá; di tích; bảo tồn.

*ĐT.: 84-902079270

Email: truongquocbinh2017@gmail.com

1. Kho tàng di sản văn hóa Việt Nam phong phú và đa dạng

Do những đặc điểm địa - văn hóa, trong quá trình hình thành và phát triển dài lâu của mình, cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã sáng tạo và còn để lại một kho tàng di sản văn hóa độc đáo và đa dạng. Bên cạnh những di tích khảo cổ từ thời đại đồ đá, đồ đồng đến thời đại kim khí, các di tích kiến trúc nghệ thuật đặc sắc của quá khứ như: đình, đền, chùa, miếu, v.v... các cung điện, lăng tẩm, các khu đô thị cổ, các làng nghề, phố nghề, kho tàng các di tích lịch sử và văn hoá Việt Nam còn có những di tích lịch sử tiêu biểu của sự nghiệp đấu tranh xây dựng và bảo vệ nền độc lập dân tộc như các khu di tích Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa, Điện Biên Phủ, đường Hồ Chí Minh, các khu địa đạo Củ Chi, Vĩnh Mốc v.v. các nhà tù Côn Đảo, Phú Quốc, hệ thống các di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặt khác, kho tàng các di sản văn hoá vật thể của Việt Nam còn bao gồm hàng chục triệu di vật, cổ vật và bảo vật quốc gia có giá trị đang được bảo quản và trưng bày tại hệ thống gần 150 bảo tàng các loại, phân bố ở mọi miền đất nước và tập trung ở những trung tâm văn hoá - du lịch lớn.

Đồng thời với các di sản văn hoá vật thể, kho tàng di sản văn hoá Việt Nam còn bao gồm các di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu như tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, lễ hội, nghệ thuật trình diễn, các ngành nghề thủ công truyền thống, những giá trị nổi trội về y, dược cổ truyền, về văn hoá ẩm thực, về trang phục truyền thống v.v. của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Những thành tựu của công cuộc bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hoá dân tộc

Từ hàng nghìn năm nay, ông cha ta rất quan tâm đến việc bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá, coi đó là một trong những biện pháp cụ thể để xác lập và vun đắp tình yêu quê hương, đất nước, một trong những động lực tinh thần, cội nguồn của sức mạnh vô địch để xây dựng và bảo vệ quốc gia dân tộc.

Thừa kế truyền thống của tiền nhân, Nhà nước và nhân dân ta cũng rất quan tâm đến việc bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, nhận thức về giá trị văn hoá nói chung và bảo tồn di sản văn hoá nói riêng trong cộng đồng, các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương ngày càng được nâng cao.

Cho đến nay, trong số hàng chục nghìn di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh ở Việt Nam, đã có 92 di tích được xếp loại Quốc gia đặc biệt, 3.258 di tích xếp loại Di tích Quốc gia và 6.092 di tích cấp tỉnh. Trong số này, đã có 8 di sản vật thể tại Việt Nam đã chính thức được công nhận là **Di sản Thế giới**. Đó là: *Khu di tích cố đô Huế (1993)*, *Khu thắng cảnh Hạ Long (1994,2000)*, *Khu thánh địa Mỹ Sơn (1999)*, *Khu phố cổ Hội An (1999)*, *Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (2003)*, *Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long (2010)*, *Thành nhà Hồ (2012)* và *Khu danh thắng Tràng An (2014)*. Và, trong tương lai một số di sản văn hoá và thiên nhiên khác sẽ tiếp tục được lập hồ sơ đề nghị công nhận. Đồng thời, đã có 9 di sản được UNESCO đưa vào **Danh sách Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và di sản phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp** là: *Nhã nhạc cung đình Huế*, *Không gian văn hoá công viên Tây Nguyên*, *Dân ca quan họ Bắc Ninh*, *Ca trù*, *Lễ hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc*, *Hát Xoan*, *Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*, *Đờn ca Tài tử Nam Bộ*, *Dân ca Ví, Giặm ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh*, *Nghi lễ và trò chơi kéo co*, *Thực hành tín ngưỡng thờ Tam phủ của người Việt*. Bên cạnh đó, có hàng trăm di sản văn hoá phi vật thể đặc sắc được đưa vào **Danh mục di sản phi vật thể quốc gia**, đã và đang được nghiên cứu bảo vệ và phát huy giá trị¹.

Đáng chú ý là, kho tàng các di sản văn hoá phong phú và đa dạng này lại phân bố tập trung thành những cụm ở đồng bằng Bắc Bộ và châu thổ sông Cửu Long, ở miền núi phía bắc và Tây Nguyên, ở dọc theo vùng ven biển, trên trục lộ

¹ Theo thông kê của Cục Di sản văn hoá, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch.

xuyên Việt gần các đô thị lớn, các cửa khẩu quốc tế quan trọng, tạo những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc hình thành và tổ chức khai thác các trung tâm du lịch của Việt Nam. Chính vì thế, từ nhiều năm trở lại đây, các di sản văn hoá Việt Nam nói chung - bao gồm di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể - đã và đang trở thành một trong những tài nguyên du lịch quan trọng, được chú ý khai thác phục vụ sự phát triển đất nước.

Những năm qua, mặc dầu còn phải đương đầu với những khó khăn không nhỏ về kinh tế xã hội nhưng Nhà nước ta vẫn dành cho sự nghiệp bảo tồn di tích những sự quan tâm không nhỏ. Từ các thập kỷ 80 và 90 của thế kỷ trước, *Chương trình mục tiêu chống xuống cấp và tôn tạo di tích* đã góp phần quan trọng trong việc cứu vãn hàng nghìn công trình di tích khỏi sự đổ nát, đã sưu tầm, tư liệu hóa nhiều di sản văn hoá phi vật thể có giá trị.

Từ năm 2001 việc thực hiện *Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đến năm 2020* đã và đang đạt được những hiệu quả không nhỏ. Về cơ bản, các di tích quan trọng cấp quốc gia đã thoát khỏi tình trạng xuống cấp, được bảo vệ và phát huy giá trị, đạt hiệu quả cao như Khu Di tích Lịch sử đền Hùng, Khu phố cổ Hội An, Khu di tích Mỹ Sơn, Quần thể di tích cố đô Huế, Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Khu di tích danh thắng Yên Tử, Vịnh Hạ Long, Dinh Độc Lập, các khu di tích Nhà tù Côn Đảo, Phú Quốc, v.v...

Không ít di tích lịch sử - văn hóa đã và đang trở thành các trung tâm sinh hoạt văn hóa xã hội của cộng đồng, góp phần quan trọng vào việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống; giáo dục về lịch sử và văn hóa dân tộc cho thế hệ trẻ; và tích cực quảng bá về văn hóa Việt Nam, về đất nước và con người Việt Nam với bạn bè quốc tế.

Nhiều khu di sản văn hóa và thiên nhiên tiêu biểu đã trở thành những sản phẩm du lịch - văn hóa, những tài nguyên du lịch hấp dẫn, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn ở các địa phương (chỉ riêng tiền bán vé vào cửa, *Trung*

tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long đã thu được hơn 100 tỷ đồng/năm nộp cho ngân sách địa phương).

Từ sau khi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gia nhập UNESCO đến nay, công tác bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa và thiên nhiên đã, đang và vẫn là một trong những mối quan tâm hàng đầu trong những hoạt động phối hợp giữa Chính phủ Việt Nam và UNESCO.

Bên cạnh những nỗ lực tự thân ở trong nước, sự ủng hộ, giúp đỡ có hiệu quả của cộng đồng quốc tế mà UNESCO là đại diện đã góp phần đưa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của Việt Nam lên những tầm cao mới.

Việc có không ít di sản văn hóa và thiên nhiên tiêu biểu là di sản văn hóa vật thể và của Việt Nam được UNESCO vinh danh là: Huế, Hạ Long, sản văn hóa vật thể và những di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc được công nhận là Di sản Thế giới là những thành tựu có ý nghĩa hết sức quan trọng bởi các di sản này không chỉ chứng minh những giá trị vô giá của truyền thống văn hiến Việt Nam, của những giá trị toàn cầu nổi bật hàm chứa trong các di sản văn hóa và thiên nhiên Việt Nam, mà còn góp phần quan trọng trong việc tôn vinh vị thế của quốc gia dân tộc trên phạm vi quốc tế.

Thực trạng công tác quản lý bảo tồn di sản văn hóa.

Nhìn chung, những năm qua, các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa Việt Nam đã và đang thu được những thành tựu hết sức đáng khích lệ. Nhiều di tích lịch sử văn hoá đã được tu sửa, tôn tạo, nhiều ngành nghề thủ công truyền thống chẳng những được phục hồi mà còn đã và đang phát triển mạnh mẽ. Không ít lễ hội dân gian truyền thống được khôi phục và trở thành những sinh hoạt văn hoá truyền thống đặc sắc, đáp ứng những nhu cầu tinh thần không thể thiếu, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân. Đồng thời, còn có những đóng góp quan trọng trong việc tạo ra những hiệu quả của các hoạt động kinh doanh phát triển du lịch.

Tuy nhiên, cần thẳng thắn thừa nhận một thực tế là, hiện nay có không ít di tích lịch sử, văn hoá kiến trúc và cảnh quan thiên nhiên đang bị xuống cấp, đang bị biến dạng nghiêm trọng do sự tác động thường xuyên của thiên nhiên và những sự tác động vô thức và hữu thức của con người. Ngoài những ảnh hưởng thường xuyên của các yếu tố khí hậu nhiệt đới, ẩm các di sản văn hóa vật thể, đặc biệt là các di tích lịch sử - văn hóa còn đã và đang phải gánh chịu những nguy cơ hết sức to lớn do những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu trong những năm gần đây. Đồng thời, là một bộ phận của thượng tầng kiến trúc, các hoạt động văn hoá nghệ thuật nói chung và bảo tồn di sản văn hoá nói riêng luôn luôn có mối liên hệ trực tiếp và biện chứng với đời sống kinh tế xã hội, chịu những tác động tất yếu của các yếu tố kinh tế xã hội.

Trong những năm gần đây, nhiều di tích chưa khắc phục được những hậu quả do chiến tranh để lại, nhiều công trình đã và đang bị chiếm dụng trái phép, tình trạng xâm phạm tại nhiều di tích vẫn tồn tại trong một thời gian dài. Đồng thời, những tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường với sự đầu tư ồ ạt của nhiều tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cũng đã và đang tạo nên những vi phạm không nhỏ đến bản thân các di tích cùng môi trường cảnh quan của các di tích lịch sử và văn hoá.

Một trong những nguyên nhân quan trọng khác khiến cho các di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh nói riêng, các di sản văn hoá nói chung chưa được bảo vệ tốt là do sức ép mạnh mẽ của quá trình tăng dân số chưa được kiểm soát. Mặt khác, trong thời gian qua, tuy Nhà nước ta đã có nhiều biện pháp khác nhau để gìn giữ, tôn tạo các di tích lịch sử, công trình kiến trúc và cảnh quan có giá trị nhưng những chính sách và biện pháp này còn thiếu hệ thống và vì thế, tác dụng còn nhiều hạn chế. Những tồn tại này còn có nguyên nhân từ sự thiếu đồng bộ và kém hiệu lực nhằm thực thi chức năng quản lý Nhà nước của các cấp, các ngành.

Mặt khác, bên cạnh những thành tựu và hiệu quả không thể phủ nhận của hoạt động du

lich như đã trình bày, tình trạng hoạt động du lịch hỗn tạp với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, của nhiều đơn vị trong và ngoài ngành du lịch chưa được quản lý chặt chẽ, đồng thời, đã làm cho hiệu quả văn hoá của các hoạt động du lịch bị suy giảm.

3. Những bối cảnh và thách thức mới của sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam

Những thành tựu bước đầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá cùng những bối cảnh mới trong thời kỳ hội nhập ở nước ta hiện nay đã và đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cùng những thách thức mới, xác định những trách nhiệm nặng nề hơn của sự nghiệp bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá ở nước ta hiện nay. Đó là:

- Những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đã và đang tạo ra những cơ sở quan yếu và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về đời sống nói chung và nhu cầu hưởng thụ văn hoá nói riêng của các tầng lớp nhân dân.

Phục vụ trực tiếp con người, góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện vốn là nhiệm vụ và mục tiêu cao nhất của các hoạt động văn hóa nói chung và bảo tồn di sản văn hoá nói riêng. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, xét cho đến cùng thì “nguồn lực quý báu nhất, có vai trò quan trọng nhất là nguồn lực con người Việt Nam; là sức mạnh nội sinh của chính bản thân dân tộc Việt Nam”. Vì vậy, các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá càng có vai trò quan trọng nhằm góp phần nâng cao nhận thức và lòng tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc... đối với từng con người Việt Nam, góp phần thực sự tạo nên nguồn lực con người Việt Nam.

- Những phát minh kỳ diệu của nhân loại trên các lĩnh vực khoa học, công nghệ trong những thập kỷ vừa qua, sự bùng nổ thông tin, sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng các loại hình văn hoá nghệ thuật đang diễn ra trên khắp thế giới đặt các hoạt động văn hoá nói chung và

bảo vệ, phát huy di sản văn hoá nói riêng ở Việt Nam trước những thử thách mới.

Trong thời đại ngày nay, các phương tiện thông tin và sự bùng nổ thông tin là sản phẩm tuyệt vời của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, tạo nên một môi trường thông tin gắn liền với môi trường công nghệ và môi trường xã hội. Với hàng loạt công nghệ cùng thiết bị hiện đại, các sản phẩm văn hoá nghệ thuật đã và đang được chuyển tải nhanh chóng, rộng khắp trên toàn cầu, thậm chí còn len lỏi vào tận từng gia đình, từng nơi làm việc và nghỉ ngơi của các cá nhân, đáp ứng nhu cầu thưởng thức, giải trí hết sức tiện lợi cho mọi người.

Mặt khác, trong kỷ nguyên công nghiệp, sự đa dạng quá mức các phương tiện cùng hiện tượng các nguồn thông tin đi vào từng người khiến cho sự tiêu chuẩn hoá và đại chúng hoá trong sự phổ cập thông tin bị suy giảm. Trong nền văn minh công nghiệp mà mỗi người được tác động bởi nhiều nguồn thông tin thì tính cá nhân hoá trong mỗi người trở nên lẩn át tính đại chúng hoá.

Trước bối cảnh mọi người được dễ dàng lựa chọn đối tượng và phương thức tiếp nhận các sản phẩm văn hoá nghệ thuật như thế, các hoạt động này về khô cứng, thiếu hấp dẫn, thậm chí nặng tính áp đặt trong tuyên truyền giáo dục... của các hoạt động văn hoá nghệ thuật “kiểu cũ” sẽ khó lôi cuốn được các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đó chính là một trong những lý do để các hoạt động này cần phải đổi mới nhằm đưa những sản phẩm tinh thần đặc thù có tính tiêu chuẩn hoá và đại chúng hoá của mình cho quảng đại quần chúng.

- Những năm qua, các yếu tố tích cực và tiêu cực của nền kinh tế thị trường đã và đang tác động mạnh mẽ tới các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Đã được coi là công nghiệp thì văn hoá tất yếu không tránh khỏi sự thương mại hoá; mặt khác, những tiến bộ của khoa học công nghệ đưa lại nguy cơ làm tan loãng văn hoá truyền thống.

Việc điều chỉnh cách nghĩ, cách làm và thậm chí cả nhu cầu văn hoá tinh thần của các cá nhân trong xã hội cho thích ứng với cơ chế kinh tế này cũng đã và đang diễn ra như một tất

yếu. Vì thế, các phương thức hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hoá nói chung và bảo tồn di tích nói riêng trước đây, như vận động nhân dân tự nguyện đóng góp tài lực, vật lực, đóng góp hiện vật, tài liệu v.v. đã gặp trở ngại lớn trước tác động của cơ chế thị trường nói chung mà đặc biệt là thị trường cổ vật do những toan tính về hiệu quả kinh tế.

Cũng do việc chúng ta chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, nên trong lĩnh vực di sản văn hoá, vấn đề tổ chức hoạt động của các nhà sưu tập tư nhân, các bảo tàng tư nhân cũng đã và đang trở thành những vấn đề cần được xem xét để có những chính sách đặc thù.

- Cuối cùng, phải quan tâm tới một thực tế là các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam đang diễn ra trong tình hình đất nước thực hiện mở cửa, tăng cường các mối giao lưu và quan hệ hợp tác quốc tế. Trước xu thế toàn cầu hoá về kinh tế, quốc tế hoá về văn hoá hiện nay, hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam cần phải được đổi mới, nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, trình độ khoa học và phương thức hoạt động. Đồng thời, tăng cường các hoạt động hợp tác sẵn có với các đối tác cũ và mới để có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

4. Những giải pháp cơ bản nhằm tăng cường các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững ở Việt Nam

Trước những thách thức mới và yêu cầu mới, để phục vụ sự phát triển bền vững của quốc gia dân tộc, sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa cần tiếp tục đổi mới theo sự đổi mới chung của đất nước. Chúng tôi kiến nghị một số giải pháp cơ bản sau đây:

Tăng cường việc đổi mới công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, cụ thể là:

- Đẩy mạnh việc xây dựng hệ thống các văn bản pháp quy: Phải thừa nhận rằng, trong nhiều năm qua, hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá đã từng bước được tập trung xây dựng và hoàn thiện, đặc biệt là Luật Di sản

Văn hoá năm 2001 và Luật bổ sung, sửa chữa một số điều của Luật Di sản Văn hoá năm 2009. Những về cơ bản, hệ thống văn bản dưới luật, nhất là những quy định pháp lý về chế độ, chính sách đối với các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá chưa hoặc chậm được ban hành.

- Nhà nước cần tăng cường đầu tư kinh phí, đồng thời mở rộng việc huy động các nguồn lực đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá. Thông qua chính sách thuế, nhà nước cần dành sự ưu tiên cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh đã tích cực tài trợ cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; Tăng cường việc vận động các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân tham gia đầu tư, ủng hộ cho các dự án về di sản văn hoá; Mở rộng các hình thức lưu danh đối với các tập thể, cá nhân đã tham gia ủng hộ các hoạt động bảo vệ và phát huy các di sản văn hoá; Tăng cường mở rộng quan hệ trao đổi, hợp tác khoa học với các tổ chức quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, qua đó, tranh thủ sự hỗ trợ về khoa học và tài chính, xây dựng các dự án nhỏ để kêu gọi sự tài trợ quốc tế.

- Tăng cường việc phối, kết hợp để tạo sự thống nhất, đồng bộ, liên ngành trong việc xây dựng các quy hoạch phát triển nhằm thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, cần tiếp tục nghiên cứu những hình thức và biện pháp phù hợp để bảo vệ và khai thác có hiệu quả kho tàng di sản văn hoá và thiên nhiên

Đổi mới các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam. Cụ thể là:

- Tăng cường việc ứng dụng những công nghệ mới trong các hoạt động của các di tích và bảo tàng. Đồng thời, từng bước tin học hoá công tác quản lý các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể. Khắc phục hoàn tất việc xây dựng Ngân hàng dữ liệu về di sản văn hoá Việt Nam

- Đẩy mạnh công tác sưu tầm hiện vật và tổ chức trưng bày tại các bảo tàng theo hướng tập trung giới thiệu sự phát triển các hình thái kinh tế xã hội, các nét độc đáo trong lịch sử văn hoá làm

nhên bản sắc của các vùng miền, các địa phương trên toàn quốc tạo sự hấp dẫn riêng, đồng thời tránh được sự trùng lặp nội dung giữa các bảo tàng, đặc biệt là các bảo tàng tỉnh, thành phố.

Khuyến khích các hoạt động nhằm phát huy vai trò của các tổ chức xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia vào các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

Xây dựng và mở rộng quan hệ với hệ thống các nhà trường, cơ quan, đơn vị và các tổ chức xã hội; đồng thời phối hợp chặt chẽ với ngành du lịch. Mục tiêu hàng đầu của hoạt động này là tăng cường sự giao lưu giữa các cơ quan quản lý di sản với các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội để đưa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá đến với các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Tăng cường các hoạt động của Hội Di sản văn hoá Việt Nam. Đây là tổ chức tự nguyện, tập hợp sự tham gia của tất cả những người đang hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá và đông đảo những người có tâm trí, tài sức đóng góp vào sự phát triển của sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá dân tộc.

Từ kinh nghiệm hoạt động của những năm qua, chúng tôi kiến nghị không nên chỉ tập trung các hoạt động trong Ngày Di sản văn hoá Việt Nam mà phải thường xuyên nhắc nhở, kêu gọi, vận động các tổ chức xã hội cùng toàn thể nhân dân tham gia vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hoá Việt Nam.

Đẩy mạnh công tác quản lý bảo vệ và khai thác các di sản văn hoá và thiên nhiên tại các khu vực biển, đảo, chuẩn bị ứng phó với những nguy cơ rủi ro thiên tai và những tác động của biến đổi khí hậu.

Biển Việt Nam chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc sử dụng và khai thác, phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là các ngành kinh tế biển như khai thác than, dầu khí, vận tải biển, du lịch, đánh bắt và chế biến hải sản, xây dựng đô thị v.v. song việc khai thác và sử dụng vùng biển và ven biển chưa có quy hoạch đồng bộ và sự kiểm soát chặt chẽ nên đã gây ra những tổn thất đáng kể về môi trường của các khu vực này.

Đường bờ biển Việt Nam có nhiều bãi biển có giá trị cao cho phát triển du lịch. Những bãi biển này kết hợp với nhiều loại tài nguyên du lịch khác tạo cho vùng biển và ven biển Việt Nam những địa danh du lịch nổi tiếng.

Cần đặc biệt quan tâm đến việc phối hợp quản lý bảo vệ khai thác môi trường du lịch biển vì hiện nay hơn 70% các điểm du lịch nghỉ dưỡng của Việt Nam đều nằm ở vùng ven biển, hàng năm thu hút trên 80% lượng khách du lịch. Xây dựng và từng bước thực hiện các kế hoạch phòng ngừa, thích ứng với những tác động của rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá.

- Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để phối kết hợp với UNESCO và các tổ chức quốc tế về di sản văn hoá nhằm thực hiện có hiệu quả Công ước UNESCO năm 1972 về di sản vật thể và Công ước UNESCO năm 2003 về di sản văn hóa phi vật thể.

- Đề nghị Chính phủ phê chuẩn và tham gia các “Công ước quốc tế về việc trao trả các tài sản văn hoá đã bị thất lạc trong chiến tranh”, “Công ước về bảo tồn các di sản trong trường hợp có xung đột vũ trang”, “Công ước về việc xuất nhập khẩu các tài sản văn hoá”.

Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức làm công tác nghiên cứu, quản lý bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới:

- Nâng cấp chất lượng đào tạo đại học và khuyến khích mở hệ đào tạo bậc trên đại học về các chuyên ngành trong lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá nghệ thuật.

- Tăng cường mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo chuyên đề cho các cán bộ quản lý và nghiệp vụ nhằm thường xuyên nâng cao trình độ, cập nhật những hiểu biết về tình hình phát triển ở trong nước và quốc tế cho đội ngũ cán bộ chuyên môn.

- Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho các công chức, viên chức làm công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá nhằm giúp cho họ có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công tác trong

thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời, có khả năng tích cực tham gia các hoạt động giao lưu, hội nhập quốc tế.

Kiến toàn bộ máy tổ chức và cán bộ của ngành Di sản văn hoá từ trung ương đến cơ sở, đề không chỉ hạn chế và khắc phục những tồn tại và bất cập hiện nay, mà còn góp phần nâng cao chất lượng và kỹ năng cho đội ngũ công chức viên chức có trình độ và năng lực cao.

Trên đây là những ý kiến của chúng tôi về bảo vệ và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở thực trạng và nhu cầu của sự nghiệp bảo tồn di sản ở nước ta hiện nay, chúng tôi đề xuất những giải pháp nhằm đổi mới công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này. Hy vọng rằng, những thiên ý trên đây sẽ thiết thực góp phần vào công cuộc phát triển bền vững ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trương Quốc Bình, "The conservation of woodern monuments", National Research Institute for Conservation of Cultural heritage, Luknow, India, 1989.
- [2] Trương Quốc Bình, "Current situation and major challenges in the preservation of world cultural heritage in Vietnam", Country Report at "UNESCO Regional Workshop for the Preparation of Periodic Reports on the State of Conservation of World Heritage Cultural Sites in Asia", July 11-13, 2001, Gyeonju, Republic of Korea, 2001.
- [3] Trương Quốc Bình, "Xã hội hóa các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam", Hội thảo khoa học quốc tế: Văn hóa trong thế giới hội nhập, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2010.
- [4] Trương Quốc Bình, Di sản văn hóa Việt Nam, đặc biệt là các di sản ở khu vực hạ lưu sông Mê công, trước những nguy cơ và tác động của biến đổi khí hậuTham luận tại Hội thảo khoa học quốc tế: Bảo tàng và di sản văn hóa trước tác động của biến đổi khí hậu tổ chức tại Huế, tháng 6/2012, 2012.
- [5] Trương Quốc Bình, "Bảo vệ và khai thác các di sản văn hóa- nguồn tài nguyên du lịch đặc biệt để phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam", Hội thảo "Phát huy giá trị di sản văn hóa đổi

- với phát triển du lịch - kinh nghiệm từ Hội An, Quảng Nam, 2013.
- [6] Trương Quốc Bình, “Vận dụng những quan điểm của UNESCO vào việc hoạch định chính sách và hệ thống pháp lý về bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam”. Hội thảo khoa học quốc tế: 10 năm thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO, Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2014.
- [7] Trương Quốc Bình, “Xây dựng và thực hiện những chính sách nhằm bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu ở Việt Nam” Hội thảo khoa học quốc tế: Bảo tồn và phát huy giá trị dân ca trong xã hội đương đại (trường hợp Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh), 2014.
- [8] Trương Quốc Bình, “Bảo vệ & phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam”, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2014.

Preserving and Promoting the Value of Cultural Heritage for Sustainable Development in Vietnam

Truong Quoc Binh

National Cultural Heritage Council

Abstract: Due to geo-cultural characteristics, in the long process of building and defending their country, the people of Vietnam have created and left a collection of very unique and diverse cultural heritage. To date, among tens of thousands of historic - cultural and scenic places in Vietnam, 92 are classified as National Special Relics, 3048 as National Relics, and 6092 as Provincial Relics. So far 8 of them have officially been recognized as World Heritage. These include: Hue Old Citadel, Ha Long Scenic Area, the My Son Sanctuary, Hoi An Old Quarters, the Phong Nha - Ke Bang National Park, Thang Long Citadel (Hanoi), Ho Dynasty Citadel (Thanh Hoa) and Scenic Area of Trang An (Ninh Binh). The tangible cultural heritage in Vietnam also includes tens of millions of relics, antiques, and national treasures of high value and are being preserved and on display within a system of 125 museums distributed all over the country and concentrated in large cultural and tourist centers.

Aside from tangible heritage, cultural heritage of Vietnam also includes intangible ones such as typical voices, writing, traditions and customs, festivals, performance arts, traditional handicraft, outstanding achievements in medicine and pharmacy, traditional culinary arts, and traditional clothings, etc. which belong to the Vietnamese people. So far, 11 intangible heritages have been recognized as intangible cultural heritage of humanity, including: Hue Court Music, Space of Gong Culture in the Central Highlands, Bac Ninh Quan Ho Folk music, Ca tru Folk music, Giong Temple Festival, the Worship of Hung Kings, Xoan Folk music, Don ca tai tu Folk music and Vi-Giam Folk music in Nghe - Tinh Provinces. The collection of rich cultural heritage is diverse and unique, but concentrated into clusters in the Northern Delta and the Mekong Delta, in northern mountainous regions and the Central Highlands, along the coastal areas, on the trans-Vietnam highway near large urban centers, near important international border areas, consistently creating favorable conditions for the formation and organization of tourism industry in Vietnam. In addition to the economic profits, the undeniable contribution of tourism in Vietnam in general is the introducing of the history, unique tradition, and the cultural identity of ethnic communities of Vietnam with a cultural tourism orientation and with diversity in types of activities to international friends.

However, nowadays many historical, cultural, architectural, and natural landscapes have been degraded or severely distorted by condemnable human behaviors and attitudes, as well as by the impact of climatic factors such as temperature, humidity, lighting, harmful wildlife, and other natural hazards such as storms, floods, earthquakes, mountain landslides, flash floods, especially weather abnormalities in recent years, which are real risk caused by climate change. Therefore, the renewal of protection and promotion of heritage in the new era is very important to the sustainable development of the nation.

Hopefully, new perspectives and international experience will be practical and useful lessons in the cooperation to research and identify effective measures to protect and promote the valuable cultural heritage of the ethnic communities in Vietnam - an organic part of humanity culture.

Keywords: Heritage, culture, historical place, preservation.